

Số: 3345 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản
mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy (diện tích mỏ 21,6 ha)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của
Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số
158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày
16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật đấu giá tài sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7
năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền
khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng
9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài
chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26
tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng
sản; Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài
nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau; Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12
tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ
đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 48/2017/TT-
BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài
chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20
tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài
nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21
tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ*

Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 2861/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 UBND tỉnh quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019; Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022 (mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, diện tích 21,6 ha);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 824/TTr-STNMT ngày 28 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy; gồm các nội dung chính như sau:

1. Thông tin về mỏ đấu giá:

1.1. Vị trí, ranh giới mỏ:

a) Mỏ cát nằm về phía bờ tả sông Mã, đoạn thuộc xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, cách thị trấn Phong Sơn khoảng 10 km về phía Đông, được giới hạn bởi các điểm góc như sau:

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2233 184.20	552 046.70
2	2233 164.60	552 251.80
3	2233 064.40	552 461.20
4	2232 551.90	552 943.60
5	2232 376.20	552 842.00
6	2232 551.90	552 602.50
7	2232 656.60	552 530.30

8	2232 783.70	552 422.80
9	2232 870.60	552 329.10
10	2233 035.30	552 184.20

b) Diện tích mỏ: 21,6 ha.

c) Tài nguyên dự báo: 1.500.000 m³.

d) Khu vực mỏ chưa được thăm dò; chưa cấp phép cho tổ chức, cá nhân nào để hoạt động khoáng sản.

1.2. Hiện trạng đất mỏ:

a) Đất mỏ một phần là đất nông nghiệp UBND xã Cẩm Ngọc quản lý, đang giao thuê cho các hộ dân và một phần là đất trồng cây hàng năm, giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài.

b) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm giải phóng mặt bằng khu vực mỏ và hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật; trong trường hợp không thực hiện được việc thỏa thuận bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các chủ đất, không hoàn thiện được hồ sơ thuê đất để triển công tác thăm dò, khai thác trong thời hạn quy định của pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thì bị hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá và không được nhận lại tiền đặt cọc.

1.3. Dự toán đề án thăm dò khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy là: 518.117.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu, một trăm mười bảy nghìn đồng*).

2. Nguyên tắc đấu giá:

2.1. Việc đấu giá phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2.2. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

2.3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên.

2.4. Cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành.

3. Giá khởi điểm, bước giá:

3.1. Giá khởi điểm để xác định tiền đặt trước là: 52.396.875.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

3.2. Giá khởi điểm để đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R): $R = 20\%$

3.3. Bước giá để đấu giá là: 0,2%.

4. Tiền đặt trước, xử lý tiền đặt trước:

4.1. Tiền đặt trước:

a) Tiền đặt trước cho một bộ hồ sơ tham gia đấu giá bằng 5% giá khởi điểm, làm tròn là: 2.619.843.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Tiền đặt trước được gửi vào một tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại; chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

b) Tổ chức đấu giá tài sản chỉ được thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá, trừ trường hợp tổ chức đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá có thỏa thuận khác nhưng phải trước ngày mở cuộc đấu giá. Tổ chức đấu giá tài sản không được sử dụng tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào khác.

4.2. Xử lý tiền đặt trước:

a) Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước và thanh toán tiền lãi (nếu có) trong trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b mục 4.2 Điều 1 quyết định này.

b) Các trường hợp không được hoàn trả tiền đặt trước theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản. Trường hợp chi phí đấu giá tài sản lớn hơn tiền đặt trước thì các chi phí được thanh toán tối đa bằng tiền đặt trước.

c) Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc và nộp vào tài khoản của nhà nước để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm: thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

6. Trình tự, thủ tục, hình thức và phương thức đấu giá:

6.1. Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, hợp đồng dịch vụ đấu giá: giao Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và ký hợp đồng dịch vụ đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau cuộc đấu giá.

6.2. Đấu giá: tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn có trách nhiệm thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.

6.3. Hình thức, phương thức đấu giá:

a) Hình thức đấu giá là: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.

b) Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

7. Hồ sơ đấu giá:

7.1. Hồ sơ mời tham gia đấu giá:

a) Căn cứ phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt, giao Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm các nội dung chính sau:

- Tên loại khoáng sản, địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá;
- Địa điểm, thời gian dự kiến tổ chức cuộc đấu giá;
- Thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản; điều kiện khai thác khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; phương thức tham khảo thông tin, tài liệu có liên quan, hiện trạng về cơ sở hạ tầng, sử dụng đất khu vực có khoáng sản được đưa ra đấu giá;
- Giá khởi điểm, tiền đặt trước;
- Khái toán về kinh phí giải phóng mặt bằng khu vực mỏ;
- Quy định về các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá: gồm các nội dung quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này;
- Các biểu mẫu cần có trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá (đơn đề nghị tham gia đấu giá, những yêu cầu cơ bản về mặt kinh tế - kỹ thuật).

7.2. Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản lập và nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (hộp lệ) trực tiếp tại văn phòng của tổ chức đấu giá tài sản.

b) Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm các nội dung sau:

- Bản chính Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (theo mẫu);
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản chính văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; tóm tắt kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (theo mẫu);
- Bản chính văn bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá (theo mẫu);
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh đã nộp phí tham gia đấu giá;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ tài chính;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định.

7.3. Hồ sơ đủ điều kiện tham đấu giá:

Hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá là hồ sơ có đủ thành phần quy định tại mục 7.2 Điều 1 và đáp ứng các điều kiện quy định tại phức lục kèm theo Quyết định này.

8. Phê duyệt kết quả đấu giá:

8.1. Phê duyệt kết quả đấu giá:

a) Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

b) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ do tổ chức đấu giá tài sản bàn giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

c) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả trúng đấu giá, UBND tỉnh ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Trường hợp không phê duyệt phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do và các yêu cầu bổ sung (nếu có).

d) Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá là căn cứ pháp lý để UBND tỉnh xem xét, cấp phép hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

8.2. Giá trị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

a) Là tỷ lệ phần trăm trữ lượng khoáng sản nằm trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình UBND tỉnh phê duyệt.

8.3. Thời điểm xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

8.4. Phương thức thu, nộp tiền trúng đấu giá: tiền trúng đấu giá được thu, nộp theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiền trúng đấu giá.

8.5. Thông báo kết quả trúng đấu giá:

a) Kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải được thông báo công khai tại trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; nội dung thông báo kết quả trúng đấu giá, gồm:

- Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Tên loại khoáng sản; địa điểm khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Giá trị trúng đấu giá ($R = \%$).

b) Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 (năm) ngày kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:

9.1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Được cấp văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b) Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

c) Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

d) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ sau đây:

a) Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

b) Nộp tiền trúng đấu giá và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Không được chuyển nhượng kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

10. Phí và chi phí đấu giá:

10.1. Phí tham gia đấu giá: 10.000.000 đồng/hồ sơ (*Bằng chữ: Mười triệu đồng trên một bộ hồ sơ*).

10.2. Tổ chức, cá nhân nộp phí tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá tài sản khi mua hồ sơ đấu giá. Phí tham gia đấu giá không được hoàn trả.

10.3. Tổ chức đấu giá tài sản được sử dụng phí tham gia đấu giá do tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định.

10.4. Tổ chức đấu giá tài sản được thanh toán thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá theo quy định hiện hành của pháp luật.

11. Các nội dung khác liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy không quy định cụ thể tại phương án này thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá

quyền khai thác khoáng sản; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Khẩn trương triển khai các công việc, hồ sơ thủ tục tiếp theo để đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy theo phương án đấu giá đã phê duyệt, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về tính chính xác của nội dung tham mưu, đề xuất về phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định này.

2. Các sở: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy; đồng thời, thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Chủ tịch UBND xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN_(6 Tâm), KTTC.
- DGKS: 22-13

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

Phụ lục

**Quy định về các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá
quyền khai thác khoáng sản**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

TT	Văn bản trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá	Hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá
1	Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Bản chính lập theo đúng mẫu số 01 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 51 Luật Khoáng sản năm 2010.
3	Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm.	Bản chính lập theo đúng Mẫu số 02 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
4	Bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.	Bản chính lập theo đúng mẫu số 03 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
5	Văn bản đã nộp phí tham gia đấu giá.	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực phiếu thu tiền bán hồ sơ mời đấu giá.
6	Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ tài chính.	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan thuế xác nhận không còn nợ đọng ngân sách nhà nước.
7	Chứng minh có vốn chủ sở hữu đủ điều kiện cấp phép thăm dò.	Có văn bản theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, trong đó xác định vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng dự toán Đề án thăm dò.